Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 2588-1213
Tập 135, Số 6D, 2026, *Tr. 175–193*; **DOI:** 10.26459/hueunijssh.v135i6D.8263

ẨN DỤ Ý NIỆM TÌNH THẾ LÀ LỬA
(KHẢO SÁT TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ TIẾNG VIỆT)

Phạm Thị Hương Quỳnh

Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Cầu Giấy, Hà Nội

*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Hương Quỳnh <hqp2000@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 23-01-2026; Ngày chấp nhận đăng: 01-07-2026)

Tóm tắt: Nghiên cứu tìm hiểu về ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA. Ngữ liệu được khảo sát là các thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Nghiên cứu đã đưa ra những kiến giải về sơ đồ ý tượng, mô hình tri nhận và bốn thuộc tính cơ bản của miền nguồn lửa gồm bản thể lửa, hoạt động của lửa, yếu tố tạo lửa, trạng thái của lửa chiếu xạ đến các tình thế khó khăn, tình thế tích cực, tình thế tiêu cực, tình thế phẫn nộ. Kết quả này cho thấy trong tư duy của chúng ta có sự liên hệ giữa tâm trí, thói quen và văn hóa dân tộc. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu là phương pháp miêu tả, phương pháp định lượng và thủ pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm MIP.

Từ khóa: ẩn dụ ý niệm, tình thế, lửa, chiếu xạ, văn hóa

CONCEPTUAL METAPHOR SITUATION IS FIRE
(SURVEY IN VIETNAMESE IDIOMS AND PROVERBS)

Pham Thi Huong Quynh

VNU University of Languages and International Studies, Cau Giay, Ha Noi

*Correspondence to Pham Thi Huong Quynh <hqp2000@gmail.com>

(Received: January 23, 2025; Accepted: July 01, 2026)

Abstract: The article studies the conceptual metaphor of the situation as fire. The article surveys the materials of Vietnamese idioms and proverbs. The research results of the article are to provide interpretations of the conceptual diagram and cognitive model. At the same time, the survey of four basic properties of the fire source domain is the nature of fire, the activity of fire, the fire-creating element, the state of fire irradiating difficult situations, positive situations, negative situations, and angry situations. This result shows that in our mind there is a connection between mind, habits, and national culture. The article uses the research methods of descriptive method, quantitative method, and MIP conceptual metaphor identification technique.

Keywords: conceptual metaphor, situation, fire, irradiation, culture

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ ý niệm cho phép giải mã quá trình tri nhận của con người, bởi lĩnh vực này nghiên cứu mối quan hệ tương tác giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy. Các ý niệm được hình thành trên cơ sở trải nghiệm thân thể và kinh nghiệm sống của con người. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung khảo sát ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA. Trong đời sống, con người thường xuyên phải đối mặt với nhiều tình thế khác nhau, tình thế ở đây được hiểu là những tình huống xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định, mang tính ngắn hạn và có tác động trực tiếp đến hành vi của con người. Vấn đề đặt ra là: ý niệm tình thế được tri nhận như thế nào thông qua sự chiếu xạ từ ý niệm lửa? Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu tiến hành khảo sát ngữ liệu là các thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Nguồn ngữ liệu được sử dụng gồm hai công trình: Thành ngữ học tiếng Việt của Hoàng Văn Hành (2015), Nhà xuất bản Khoa học xã hội; và Từ điển Tục ngữ Việt của Nguyễn Đức Dương (2010), Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là những công trình đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ các đơn vị thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt và được phát hành bởi các nhà xuất bản có uy tín trong nước.

Thành ngữ và tục ngữ từ lâu được xem là kết tinh của trí tuệ dân gian, qua đó phản ánh những thói quen tư duy và cách thức tri nhận của cộng đồng ngôn ngữ. Thành ngữ là những đơn vị ngôn ngữ có cấu trúc cố định, giữ vị trí tương đương với từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Theo cách hiểu phổ biến, thành ngữ là "một loại tổ hợp cố định, bền vững về hình thái – cấu trúc, hoàn chỉnh và giàu tính biểu trưng về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hằng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ" (Hoàng Văn Hành, 2015, tr. 19). Tục ngữ là những câu nói có vần điệu, ngắn gọn, hàm súc, phản ánh kinh nghiệm sống và kết tinh các giá trị văn hóa của cộng đồng. Chu Xuân Diên cho rằng: "Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có ý nghĩa hàm súc do nhân dân lao động sáng tạo nên và lưu truyền qua nhiều thế kỉ" (Chu Xuân Diên, 1993, tr. 244). Theo Hoàng Tiến Tựu, tục ngữ là "thể loại văn học dân gian nhằm đúc kết kinh nghiệm, tri thức, nêu lên những nhận xét, phán đoán và lời khuyên răn của nhân dân dưới hình

thức những câu nói ngắn gọn, giản dị, súc tích, có nhịp điệu, dễ nhớ, dễ truyền" (Hoàng Tiến Tựu, 1999, tr. 109).

Chính những đặc điểm về hình thức ổn định và nội dung giàu tính tri nhận của thành ngữ, tục ngữ đã khiến chúng trở thành nguồn ngữ liệu phù hợp để khảo sát cơ chế chiếu xạ trong ẩn dụ ý niệm. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này không chỉ góp phần làm rõ cách thức ý niệm tình thế được ý niệm hoá thông qua miền nguồn lửa, mà còn tạo tiền đề cho việc xác định những đóng góp mới của nghiên cứu trên cả phương diện lí luận và thực tiễn. Ở phương diện lí luận, nghiên cứu phân tích cụ thể sơ đồ ý tượng và mô hình tri nhận – những vấn đề cơ bản của ẩn dụ ý niệm, bởi chúng góp phần làm rõ cách thức các ý niệm được hình thành cũng như cách mô hình tri nhận tổ chức và hệ thống hóa các ý niệm trong tâm trí con người. Ở phương diện thực tiễn, kết quả khảo sát của nghiên cứu cho thấy những thuộc tính điển hình của miền nguồn lửa. Mặc dù miền nguồn này đã được nghiên cứu tương đối nhiều, song việc khảo sát sự chiếu xạ từ miền nguồn lửa sang miền đích tình thế vẫn là một hướng tiếp cận mới. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ hơn phương thức tư duy ẩn dụ ý niệm.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Tình hình nghiên cứu về ý niệm lửa trên thế giới

Lakoff&Johnson (1980) và Kovecses (2002) trong công trình Metaphor we live by và Metaphor: A practical introduction đã thống kê các ẩn dụ ý niệm có miền nguồn lửa. Sự thống kê này là kết quả nghiên cứu những ẩn dụ ý niệm có tính phổ quát phản ánh tư duy nhân loại. Ẩn dụ ý niệm về lửa đã được khám phá trong nhiều diễn ngôn khác nhau, bao gồm diễn ngôn truyền thông, văn bản tôn giáo và phương tiện truyền thông kinh doanh,... Lửa là một miền nguồn chiếu xạ đến các miền đích khác nhau. Từ góc độ phổ quát, ẩn dụ ý niệm có miền nguồn lửa phản ánh ý thức quốc gia và tập thể, phát triển cùng với các yếu tố môi trường và chuyển đổi toàn cầu (Pitolina & Kuzmichenko, 2020). Trong diễn ngôn kinh thánh, có Kinh Qur'an sử dụng ẩn dụ ý niệm có miền nguồn lửa và địa ngục một cách sáng tạo để chiếu xạ đến miền đích cuộc sống (Mehfooz và cộng sự, 2020). Từ góc độ truyền thông kinh doanh, đặc biệt liên quan đến việc Elon Musk mua lại Twitter, ý niệm lửa được nghiên cứu dựa trên các thuộc tính nguyên mẫu của chính nó. Miền nguồn lửa chiếu xạ đến những đánh giá tiêu cực và tích cực của hoạt động kinh doanh (Dovbnia & Chrdileli, 2022). Liên quan đến đại dịch covid-19, có nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm chiến tranh và lửa. Miền nguồn lửa chiếu xạ đến miền đích đại dịch covid-19 giúp con người tri nhận về sự bùng phát, tốc độ lây lan nhanh chóng của đại dịch này (Rafat, M (2022). Trong tư duy dân tộc của người Gruzia, ý niệm lửa thể hiện sự pha trộn giữa các giá trị tích cực và tiêu cực, trong đó thuộc tính tiêu cực chính chi phối ý nghĩa ẩn dụ. Trong diễn ngôn truyền thông, ẩn dụ ý niệm Phương tiện truyền thông là lửa có hai mô hình tri nhận hạ cấp là Phương tiện truyền thông là nhiệt và Phương tiện truyền thông là sự cháy, những ẩn dụ ý niệm hạ cấp này giúp làm nổi bật những điểm tương đồng và khác biệt trong cách tri nhận về miền

nguồn lửa trong tiếng Việt và tiếng Anh (Nguyen, 2023). Trong diễn ngôn chính trị, ý niệm lửa được sử dụng theo nghĩa ẩn dụ trong các bài phát biểu chính trị của người Jordan để truyền tải cả ý nghĩa tích cực và tiêu cực (Al Hanada, Ghadeer Zeyad, 2023). Trong văn học, cụ thể là trong tác phẩm Late Republican Lives của Plutarch, miền nguồn lửa chiếu xạ đến các miền đích là chiến tranh, xung đột, giận dữ, tham vọng và ham muốn tình dục (Deriu, Morena, 2024). Những nghiên cứu này chứng minh tính linh hoạt và ý nghĩa văn hóa của ẩn dụ về lửa trên các lĩnh vực và ngôn ngữ khác nhau, ở các dân tộc khác nhau.

Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới chủ yếu tập trung làm rõ khả năng chiếu xạ của miền nguồn lửa trong nhiều loại diễn ngôn khác nhau và khẳng định tính phổ quát của ý niệm này trong tư duy nhân loại. Tuy nhiên, các công trình chủ yếu hướng đến những miền đích như chiến tranh, tôn giáo, truyền thông, kinh doanh, cảm xúc hay đại dịch, trong khi miền đích TÌNH THẾ hầu như chưa được quan tâm.

2.2. Tình hình nghiên cứu về ý niệm lửa ở Việt Nam

Ở Việt Nam, lửa trước hết là một phạm trù vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Có khá nhiều công trình đã nghiên cứu đến ý niệm lửa ở cả hai góc độ miền đích và miền nguồn. Ở góc độ miền đích, có công trình Khảo sát ẩn dụ ý niệm lửa trong thơ ca Mỹ và Việt Nam thế kỉ XX. Trong công trình này, lửa là miền đích và được chiếu xạ bởi 16 miền nguồn là đam mê, vật chứa, cây cỏ, con người, vật thể, âm nhạc, linh hồn, phương tiện vận chuyển, sự giác ngộ, động vật thèm ăn, bệnh tật, vinh quang, ý nghĩ, tái sinh, hủy diệt và xung đột (Lưu Quý Khương và Bùi Thị Kim Phụng, 2015).

Ở góc độ miền nguồn, cũng có một số công trình tiêu biểu. Từ góc độ so sánh đối chiếu, có công trình đã so sánh ẩn dụ phạm trù lửa trong tiếng Pháp và tiếng Việt nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, khảo sát trên hai cuốn Từ điển tiếng Việt và Từ điển tiếng Pháp, công trình này đã chỉ ra các miền đích được chiếu xạ bởi miền nguồn lửa là: con người, đời sống xã hội và hiện tượng tự nhiên (Lê Lâm Thi, 2017); có công trình so sánh đối chiếu thành ngữ có yếu tố chỉ nước, lửa trong tiếng Anh và tiếng Việt và đưa ra các miền đích được chiếu xạ bởi hai miền nguồn này. Trong đó, đối với miền nguồn lửa, có các ẩn dụ ý niệm là: quyền lực là lửa, tính đối lập là lửa, sự việc không tích cực là lửa, nhiệt huyết/nhiệt tình là lửa, hoạt động tốc độ cao là lửa (Huỳnh Ngọc Mai Kha, 2015). Ngoài ra trong một số công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm có nghiên cứu đến những ẩn dụ ý niệm có miền nguồn lửa là Tình yêu là nhiệt/lửa (Phạm Thị Hương Quỳnh, 2017); Tức giận là lửa (Nghiêm Hồng Vân, 2016); Tức giận là nóng, tình yêu là nóng (Lê Lâm Thi và cộng sự, 2023);… Những nghiên cứu này đã góp phần khẳng định rằng lửa là một phạm trù phổ biến. Nó có ảnh hưởng đến cuộc sống và tư duy của con người. Nhìn chung, các nghiên cứu ở Việt Nam đã góp phần khẳng định lửa là một miền nguồn có khả năng ánh xạ đến nhiều miền đích khác nhau, đồng thời làm rõ những đặc trưng tri nhận và văn hóa của người Việt thông qua ý niệm này.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Từ tổng quan các công trình trong và ngoài nước có thể nhận thấy, ý niệm LỬA đã được nghiên cứu khá phong phú từ nhiều góc độ khác nhau. Trên thế giới, các nghiên cứu chủ yếu tập trung làm rõ tính phổ quát của miền nguồn lửa và khả năng chiếu xạ của nó trong nhiều loại diễn ngôn như tôn giáo, truyền thông, kinh doanh, chính trị và văn học. Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu đã tiếp cận ý niệm lửa ở cả hai phương diện là miền đích và miền nguồn, qua đó làm rõ các miền đích như TÌNH YÊU, TỨC GIẬN, QUYỀN LỰC, ĐỜI SỐNG XÃ HỘI, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN và một số phạm trù ý niệm khác.

Tuy nhiên, qua khảo cứu có thể thấy chưa có công trình nào khảo sát một cách độc lập và có hệ thống sự ánh xạ từ miền nguồn LỬA sang miền đích TÌNH THẾ trong hệ thống thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung xác định các miền đích được ý niệm hóa bởi lửa, trong khi cơ chế lựa chọn các thuộc tính của miền nguồn lửa và sự tương ứng giữa các thuộc tính này với từng kiểu tình thế vẫn chưa được phân tích đầy đủ từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết tập trung khảo sát ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt nhằm làm rõ mô hình tri nhận, các thuộc tính nổi trội của miền nguồn lửa và cơ chế ánh xạ giữa miền nguồn với miền đích. Qua đó, nghiên cứu góp phần bổ sung tư liệu cho hướng nghiên cứu ẩn dụ ý niệm có miền nguồn lửa, đồng thời làm sáng tỏ hơn đặc trưng tư duy và văn hóa của người Việt được phản ánh qua hệ thống thành ngữ, tục ngữ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện sử dụng những phương pháp nghiên cứu như sau:

Phương pháp miêu tả được sử dụng để miêu tả những đặc trưng cơ bản của ẩn dụ ý niệm, bao gồm mô hình tri nhận, sơ đồ hình ảnh và cơ chế ánh xạ giữa miền nguồn và miền đích. Đồng thời, phương pháp này được dùng để phân tích các thuộc tính của hai ý niệm TÌNH THẾ và LỬA, từ đó làm rõ sơ đồ ánh xạ của ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA.

Phương pháp định lượng được sử dụng để thống kê, phân loại và lượng hóa các biểu thức ngôn từ ẩn dụ trong ngữ liệu khảo sát. Kết quả thống kê là cơ sở để xác định những thuộc tính nổi trội của miền nguồn LỬA cũng như tần suất xuất hiện của các hướng ánh xạ sang miền đích TÌNH THẾ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiến hành phân tích định tính nhằm làm rõ đặc điểm tri nhận và ý nghĩa văn hóa của các biểu thức ẩn dụ.

Thủ pháp nhận diện ẩn dụ MIP (Metaphor Identification Procedure) được sử dụng để nhận diện các biểu thức ngôn từ ẩn dụ trong thành ngữ, tục ngữ. Thủ pháp này được tiến hành qua các bước sau:

Bước 1: Đọc toàn bộ các câu thành ngữ, tục ngữ thuộc phạm vi ngữ liệu khảo sát.

Bước 2: Xác định nghĩa của các đơn vị từ vựng trong ngữ cảnh và đối chiếu với nghĩa cơ bản của chúng.

Bước 3: Xác định những đơn vị từ vựng có sự khác biệt giữa nghĩa ngữ cảnh và nghĩa cơ bản nhưng vẫn có thể được hiểu thông qua sự so sánh, từ đó nhận diện các biểu thức ngôn từ ẩn dụ.

Bước 4: Trên cơ sở các biểu thức ngôn từ ẩn dụ đã được nhận diện, tiến hành xác định các thuộc tính của miền nguồn LỬA, phân loại các hướng ánh xạ và phân tích cơ chế tri nhận của ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA.

4. Cơ sở lí luận

4.1. Sơ đồ ý tượng và mô hình tri nhận

Sơ đồ ý tượng được hiểu là cấu trúc tư duy của con người. Con người sống trong thế giới khách quan và thông qua sự trải nghiệm của cơ thể sinh học mà hình thành nhận thức về sự vật và các mối quan hệ của sự vật. Chẳng hạn, qua sự tiếp xúc của xúc giác mà hình thành nên ý niệm nóng, lạnh, ấm, mát, song ngoài việc nhận thức về từng ý niệm đó còn có sự nhận thức về mối liên hệ giữa chúng, tức là chúng cùng thuộc phạm trù nhiệt độ. Các nhà tri nhận luận đều thống nhất cho rằng sơ đồ ý tượng là các mô hình động, có ý nghĩa, lặp lại trong hành động và suy nghĩ hàng ngày và cho phép chúng ta cấu trúc các trải nghiệm và nhận thức của mình (Johnson, 1987; Lakoff 1987, 1989; Turner, 1991, 1996; Gibbs và Colston, 1995). Theo Johnson (1987: 29), "các sơ đồ ý tượng hoạt động ở cấp độ tổ chức tinh thần nằm giữa các cấu trúc mệnh đề trừu tượng, một bên và các hình ảnh cụ thể, bên kia". Vì vậy, "Sơ đồ ý tượng là cấu trúc tri nhận được tạo ra trên cơ sở mối quan hệ giữa các sự vật, là một loại cấu trúc tổ chức liên hệ giữa quan hệ trừu tượng với ý tưởng cụ thể trong những trải nghiệm và lí giải của con người, là hình thức tổ chức của tri thức được xuất hiện lặp lại nhiều lần, là cấu trúc cơ bản lí giải và tri nhận những ý niệm phức tạp hơn, kinh nghiệm và tri thức của con người được xây dựng trên cấu trúc và quan hệ cơ bản trên" (Triệu Diễm Phương, 2011: 114). Sơ đồ ý tượng cung cấp tính nhất quán và trật tự cho các ý niệm theo hai cách cơ bản (Francisco, 2002):

a) Sơ đồ ý tượng có tác dụng thống nhất các trải nghiệm cảm giác và vận động khác nhau của con người theo cách trực tiếp (ví dụ: chúng ta trải nghiệm cơ thể mình như một tổng thể với các bộ phận, và các cấu hình bộ phận-tổng thể tương tự được nhận thức một cách có ý nghĩa trong các vật thể vật lý hàng ngày khác);

b) Hơn nữa, sơ đồ ý tượng có thể được ẩn dụ hóa từ phạm trù cụ thể sang các phạm trù trừu tượng hơn (ví dụ, chúng ta thường nói và lý luận về các hình thức tổ chức khác nhau của con người theo các yếu tố và mô hình suy luận liên quan đến lược đồ hình ảnh PHẦN-TOÀN THỂ).

Như thế, chính các sơ đồ ý tượng là kết quả của quá trình nhận thức của con người. Những sơ đồ này hình thành nên các mô hình tri nhận. Lakoff (1987) đã khái quát thành những mô hình tri nhận cơ bản như sau:

Sơ đồ bộ phận – chỉnh thể (the part – whole schema)

Sơ đồ tâm – biên (the center – periphery schema)

Sơ đồ xuất phát điểm – đường dẫn – đích (the source – path – goal schema)

Sơ đồ trên – dưới (up – down schema)

Sơ đồ trước – sau (front – back schema)

Sơ đồ lực (force schema)

Những mô hình tri nhận này sẽ dựa trên những trải nghiệm, sự chiếu xạ giữa những thuộc tính của hai miền có nét tương đồng với nhau. Đây chính là một trong những vấn đề lí luận cốt lõi của ẩn dụ ý niệm. Nó lí giải các ý niệm được hình thành như thế nào và vì sao lại có sự chiếu xạ từ miền nguồn đến miền đích. Câu trả lời là ý niệm được hình thành dựa trên quá trình nhận thức của con người về thế giới, tri thức của con người lại cấu trúc thành các sơ đồ ý tượng. Giữa miền nguồn và miền đích có quá trình chiếu xạ, quá trình ấy không phải được hình thành một cách vô căn cứ mà giữa chúng phải có mối liên hệ dựa trên nguyên tắc tương đồng và tính nổi trội.

4.2. Ý niệm lửa trong văn hóa

Trong quan niệm văn hóa nhân loại, lửa có vai trò rất quan trọng đối với con người. Trong quá khứ xa xưa, lửa giúp con người tiến hóa đến với văn minh. Trong tâm thức của con người, lửa là ánh sáng, là hơi ấm, là sự linh thiêng. Vì thế ở bất kỳ một ngôn ngữ nào thì "lửa" luôn là một trong những biểu tượng văn hoá cơ bản mang nhiều hàm nghĩa nhất. Thần thoại Hy Lạp kể rằng vì thương loài người cực khổ sống trong bóng tối và đói rét nên Thần Prômêtê lấy trộm lửa từ trên thiên đình cho loài người, từ đó mà nhân loại có lửa, sống văn minh hơn. Để ghi công cho Thần, loài người gọi đó là "ngọn lửa Prômêtê" và nó trở thành cổ mẫu mang tính chất điển cố đẹp đẽ. Sau này, trong văn học nghệ thuật, hình ảnh ngọn lửa được khai thác rất nhiều với những ý nghĩa tốt đẹp. Chẳng hạn trong văn học Nga hiện đại có hình ảnh toả sáng của trái tim Đankô dẫn đoàn người thoát khỏi sự tối tăm của rừng già cũng ít nhiều kế thừa "ngọn lửa toả sáng" từ mẫu gốc. Trong văn hóa Việt Nam, lửa gắn bó mật thiết với đời sống con người, ở đâu có con người là ở đó có lửa. Lửa được coi là một vị thần linh thiêng. Rất nhiều các dân tộc ở Việt Nam có tục thờ thần lửa. Ví dụ người Kinh có tục thờ ông Táo (người coi giữ bếp lửa trong gia đình); người Dao ở Hà Giang có nghi lễ cúng thần lửa vào ngày đầu năm mới; người Pà thẻn ở Tuyên Quang có tục nhảy lửa vào tháng Giêng; người Ê đê và Mnông xem lửa là vị thần may mắn;… Trong đời sống tâm linh, lửa là cầu nối liền giữa cõi dương và cõi âm, lửa còn có sức mạnh xua đuổi tà khí.

Lửa có ý nghĩa trong cuộc sống, trong văn hóa như vậy nên nó là một miền nguồn có tính phổ quát toàn nhân loại. Miền nguồn lửa có thể chiếu xạ đến nhiều miền đích khác nhau. Các thuộc tính từ bản chất vật lí của nó đến các thuộc tính mang giá trị tinh thần. Trong tri nhận luận, vai trò của miền nguồn lửa chính là ở chỗ sẽ chiếu xạ những thuộc tính của nó đến miền đích.

4.3. Ý niệm tình thế trong nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, việc xác định nội hàm của ý niệm tình thế có ý nghĩa quan trọng bởi đây là miền đích của ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA. Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, tình thế được hiểu là: "tình hình và xu thế, về mặt có lợi hay không có lợi đối với những hoạt động nào đó của con người", ví dụ: tình thế thuận lợi, lật ngược tình thế, tìm mọi cách hòng cứu vãn tình thế. Ngoài ra, từ điển còn ghi nhận một nghĩa khác của tình thế là: "cách làm có tính chất tạm thời nhằm đối phó với một tình hình cụ thể trước mắt", ví dụ: giải pháp tình thế (Hoàng Phê chủ biên, 2003, tr. 1236).

Khái niệm tình thế cần được phân biệt với hoàn cảnh. Theo Từ điển tiếng Việt, hoàn cảnh là: "toàn thể nói chung những nhân tố khách quan có tác động đến con người hay sự vật, hiện tượng nào đó", ví dụ: hoàn cảnh khó khăn, bị hoàn cảnh xô đẩy (Hoàng Phê chủ biên, 2003, tr. 559). Như vậy, hoàn cảnh là một phạm trù rộng, bao gồm toàn bộ các điều kiện khách quan tác động đến con người, trong khi tình thế là trạng thái cụ thể của sự việc trong một thời điểm hoặc một giai đoạn nhất định. Nếu hoàn cảnh mang tính tương đối ổn định và lâu dài thì tình thế thường gắn với sự vận động của các sự kiện, có thể thay đổi theo diễn biến của thực tế khách quan.

Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm tình thế được hình thành trên cơ sở trải nghiệm của con người đối với những tình huống cụ thể trong đời sống. Trong các tình thế ấy luôn tồn tại sự đánh giá về mức độ thuận lợi hoặc bất lợi đối với hoạt động của con người. Chính vì vậy, tình thế có thể được biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau như tình thế khó khăn, tình thế nguy cấp, tình thế bất lợi, tình thế thuận lợi, tình thế căng thẳng hay tình thế xung đột. Mặc dù các biểu hiện này có nội dung khác nhau, song chúng đều phản ánh những trạng thái cụ thể của đời sống xã hội mà con người đang phải đối mặt và tìm cách ứng xử.

Trên cơ sở đó, trong bài viết này, ý niệm TÌNH THẾ được hiểu là những trạng thái cụ thể của đời sống có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động, nhận thức và cách ứng xử của con người trong những điều kiện nhất định. Với cách hiểu này, các biểu thức ngôn từ được khảo sát trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt đều phản ánh những tình thế mang tính thuận lợi hoặc bất lợi đối với con người. Đây cũng chính là cơ sở để xác lập sự ánh xạ từ miền nguồn LỬA sang miền đích TÌNH THẾ trong tư duy của người Việt.

5. Ẩn dụ ý niệm "tình thế là lửa"

5.1. Sơ đồ ý tượng và mô hình tri nhận của ý niệm TÌNH THẾ và LỬA

Trên cơ sở nội hàm của ý niệm tình thế đã được xác lập ở phần cơ sở lí luận, có thể thấy đây là một ý niệm thuộc phạm vi trải nghiệm đời sống của con người. Trong tư duy, con người không tri nhận các tình thế như những hiện tượng tồn tại độc lập mà luôn đặt chúng trong mối quan hệ với hoàn cảnh và cuộc sống. Vì vậy, mô hình tri nhận của ý niệm tình thế được khái quát như sau:

Tình thế ← hoàn cảnh ← cuộc sống

Mô hình này cho thấy tình thế là một phạm trù hạ cấp nằm trong phạm trù hoàn cảnh, còn hoàn cảnh lại thuộc phạm trù rộng hơn là cuộc sống. Sự phân tầng này phản ánh cách thức con người tổ chức tri thức trong tâm trí theo nguyên tắc từ cụ thể đến khái quát. Một tình thế cụ thể luôn xuất hiện trong một hoàn cảnh nhất định và hoàn cảnh đó lại là một bộ phận của đời sống xã hội. Chính vì vậy, khi tri nhận về các tình thế, con người đồng thời huy động những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm xã hội và các tri thức văn hóa liên quan.

Đối với miền nguồn, lửa là một thực thể vật chất tồn tại khách quan trong tự nhiên và là một trong những hiện tượng có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống con người. Từ góc độ tri nhận, ý niệm lửa không chỉ bao gồm bản thân thực thể lửa mà còn bao gồm những tri thức kinh nghiệm liên quan đến đặc tính, hoạt động, trạng thái và các yếu tố tạo nên lửa. Mô hình tri nhận của ý niệm lửa được khái quát như sau:

Thực tại khách quan → vật chất → lửa

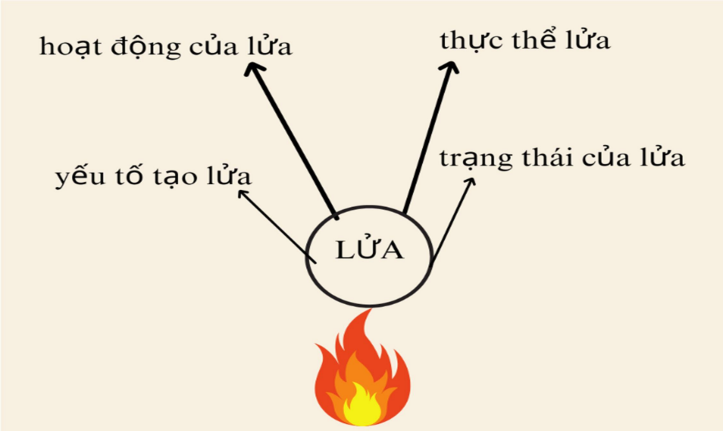
Mô hình này cho thấy lửa thuộc phạm trù vật chất và được con người nhận biết thông qua trải nghiệm cảm giác trực tiếp như nhìn thấy ánh sáng, cảm nhận nhiệt độ hoặc quan sát quá trình cháy. Chính những trải nghiệm lặp đi lặp lại đó đã tạo nên hệ thống tri thức về lửa trong tâm trí con người. Hệ thống tri thức này trở thành cơ sở để các thuộc tính nổi trội của miền nguồn lửa được lựa chọn và ánh xạ sang miền đích tình thế. Sự hình thành ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA bắt nguồn từ quá trình liên hệ giữa hai miền ý niệm nói trên. Một bên là miền đích mang tính trừu tượng, phản ánh những trạng thái của đời sống xã hội; một bên là miền nguồn cụ thể, giàu trải nghiệm cảm giác. Thông qua cơ chế chiếu xạ, các đặc tính nổi trội của lửa được sử dụng để cấu trúc hóa và làm rõ cách con người nhận thức về những tình thế khác nhau trong cuộc sống.

* Những đặc điểm, yếu tố của miền nguồn lửa

Những đặc điểm của miền nguồn lửa chiếu xạ đến miền đích tình thế giúp cho chúng ta hình dung được về miền đích này một cách cụ thể. Nguyên tắc của sự tri nhận bao giờ cũng có tính một hướng, nghĩa là chỉ có miền nguồn lửa chiếu xạ đến miền đích tình thế mà không có chiều

ngược lại. Thông qua khảo sát, các yếu tố của miền nguồn lửa chiếu xạ đến miền đích tình thế là:

Sơ đồ 1. Sơ đồ các yếu tố của miền nguồn lửa



Nguồn: Tác giả khái quát

Theo sơ đồ, miền nguồn lửa được tổ chức thành bốn đặc điểm cơ bản, bao gồm thực thể lửa, hoạt động của lửa, yếu tố tạo lửa và trạng thái của lửa. Mỗi đặc điểm này cấu thành một phương diện tri nhận riêng của miền nguồn và được hiện thực hóa trong ngôn ngữ bằng những biểu thức ngôn từ đặc thù. Trong quá trình chiếu xạ, các thuộc tính trên không tồn tại một cách rời rạc mà được lựa chọn và kích hoạt có hệ thống để chiếu xạ sang miền đích tình thế. Cụ thể, thông qua các biểu thức gắn với thực thể, hoạt động, yếu tố tạo và trạng thái của lửa, người nói định hướng việc nhận diện, đánh giá và phân loại các tình thế khác nhau trong đời sống. Như vậy, chính các thuộc tính của miền nguồn lửa đóng vai trò là dấu hiệu tri nhận, cho phép con người ý niệm hoá miền đích tình thế thông qua cơ chế chiếu xạ từ miền cụ thể sang miền trừu tượng.

* Lược đồ chiếu xạ của ẩn dụ ý niệm tình thế là lửa

Căn cứ vào các thuộc tính của miền nguồn lửa và mô hình tri nhận của nó, tác giả khái quát được một lược đồ chiếu xạ như sau:

Bảng 1. Sơ đồ chiếu xạ ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA

TÌNH THẾ	Chiếu xạ	LỬA
Tình thế khó khăn, cấp bách	<=	Thực thể lửa
Tình thế tiêu cực	<=	Hoạt động nguy hiểm của lửa
Tình thế tích cực	<=	Yếu tố tạo lửa

Tình thế phẫn nộ	<=	Trạng thái của lửa

Với bốn tia chiếu xạ, ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA giúp chúng ta hình dung về cách mà người Việt thường hay nói trong những hoàn cảnh cụ thể. Điều này cho thấy bất cứ một ý niệm nào cũng tồn tại trong hệ thống chứ không tách rời đơn lẻ. Sự liên hệ giữa ý niệm lửa với ý niệm tình thế là dựa vào tính chất của lửa, đó là sự nóng, là thời gian ngọn lửa tồn tại phụ thuộc vào sự đốt cháy do con người làm,... Nhìn chung, chính những kinh nghiệm sống của con người đã tạo nên một môi trường cho sự tri nhận. Sơ đồ chiếu xạ ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA cho thấy miền đích tình thế được cấu trúc hóa thông qua các thuộc tính tri nhận cốt lõi của miền nguồn lửa, dựa trên kinh nghiệm thân thể phổ quát của con người đối với hiện tượng này. Các tia chiếu xạ không diễn ra một cách rời rạc mà được tổ chức theo những bình diện khác nhau của lửa, từ sự tồn tại, hoạt động, điều kiện hình thành đến trạng thái cường độ.

Trước hết, tình thế khó khăn, cấp bách được chiếu xạ từ lửa như một thực thể, nhấn mạnh tính hiện diện mang áp lực và yêu cầu phản ứng tức thời. Tình thế vì thế được tri nhận như một yếu tố không thể trì hoãn trong dòng vận động của sự kiện. Tiếp đó, tình thế tiêu cực được chiếu xạ từ hoạt động nguy hiểm của lửa, qua đó làm nổi bật đặc tính lan rộng và mất kiểm soát của các hoàn cảnh bất lợi. Ngược lại, tình thế tích cực được chiếu xạ từ yếu tố tạo lửa, phản ánh khả năng khởi phát và thúc đẩy. Trong trường hợp này, lửa được tái cấu trúc như nguồn năng lượng, cho phép tình thế được khái niệm hóa như một tiền đề mang tiềm năng phát triển. Cuối cùng, tình thế phẫn nộ được chiếu xạ từ trạng thái của lửa, trong đó các mức độ cháy khác nhau tương ứng với sự tích tụ và bộc phát của căng thẳng tình huống. Nhìn chung, ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA cho phép khái niệm hóa tình thế như một cấu trúc đa chiều, vừa mang tính đánh giá vừa mang tính định hướng hành động. Sơ đồ chiếu xạ phản ánh rõ cơ chế tri nhận trong đó cùng một miền nguồn được khai thác linh hoạt để kiến tạo những khía cạnh khác nhau của miền đích, tùy theo trọng tâm ý nghĩa được kích hoạt trong ngữ cảnh sử dụng.

* Các biểu hiện của thuộc tính lửa trong thành ngữ, tục ngữ

Kết quả khảo sát cho thấy những biểu hiện của miền nguồn lửa được biểu hiện qua ngôn từ rất cụ thể. Những biểu thức ngôn từ của miền nguồn lửa cho thấy các đặc điểm, tính chất của lửa chiếu xạ đến miền đích tình thế. Bảng dưới đây thống kê về các biểu thức ngôn từ của miền nguồn lửa.

Bảng 2. Thống kê các biểu thức ngôn từ của miền nguồn lửa

TT	Thuộc tính miền nguồn lửa	Biểu thức ngôn từ	Số lượng		Tỉ lệ % theo nhóm thuộc tính
			Số lượng từng đơn vị	Số lượng theo nhóm thuộc tính	
	Thực thể lửa	lửa	38	38	28.8
	Hoạt động của lửa	đốt	16	47	35.6
		nổ	13		
		chơi (lửa)	8		
		gắp (lửa)	6		
		dẫm (lửa)	4		
	Yếu tố tạo lửa	gió	11	31	23,5
		bấc	10		
		dầu	10		
	Trạng thái của lửa	sôi	8	16	12,1
		bỏng	8		
	Tổng số			132	100%

Kết quả thống kê cho thấy miền nguồn LỬA được hiện thực hóa thông qua bốn nhóm thuộc tính cơ bản với tổng số 132 lượt xuất hiện. Trong đó, nhóm biểu thức phản ánh hoạt động của lửa có tần suất cao nhất với 47 lượt (35.6%), bao gồm các yếu tố như đốt, nổ, chơi lửa, gắp lửa, dẫm lửa. Điều này cho thấy trong tư duy của người Việt, lửa thường được tri nhận như một hiện tượng vận động, có khả năng tác động mạnh mẽ đến con người và môi trường xung quanh. Nhóm thực thể lửa đứng thứ hai với 38 lượt (28.8%), phản ánh vai trò trung tâm của hình ảnh lửa trong quá trình ý niệm hóa. Các nhóm yếu tố tạo lửa (23.5%) và trạng thái của lửa (12.1%) có tần suất thấp hơn nhưng vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành các hướng ánh xạ khác nhau từ miền nguồn LỬA sang miền đích TÌNH THẾ.

Cần lưu ý rằng, trong thực tế, miền nguồn lửa còn bao gồm nhiều thuộc tính khác như nguyên liệu (xăng, củi, đóm), phương tiện tạo lửa (bếp, đèn, đống lửa) hay các trạng thái vật lý (tàn, tắt, bén). Tuy nhiên, không phải mọi thuộc tính của miền nguồn đều tham gia vào quá trình chiếu xạ. Chỉ những thuộc tính tương thích về mặt tri nhận với miền đích tình thế mới

được kích hoạt và hiện thực hóa trong ngôn ngữ. Chính cơ chế lựa chọn này cho thấy tính phi toàn diện nhưng có hệ thống của ẩn dụ ý niệm.

Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, kết quả thống kê trong Bảng 2 khẳng định rằng ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA không vận hành bằng một tập hợp biểu thức cố định, mà bằng một mạng lưới các biểu thức ngôn từ phản ánh những lát cắt tri nhận khác nhau của miền nguồn. Đồng thời, khi miền nguồn lửa chiếu xạ sang các miền đích khác nhau, tập hợp biểu thức được kích hoạt cũng không hoàn toàn đồng nhất. Đây chính là một đặc trưng quan trọng của ẩn dụ ý niệm: tính linh hoạt trong lựa chọn thuộc tính nguồn, phụ thuộc vào đặc điểm ý niệm của miền đích và ngữ cảnh sử dụng.

5.2. Biểu thức ngôn từ ẩn dụ

5.2.1. Thực thể lửa => Tình thế khó khăn, cấp bách

Dầu sôi lửa bỏng

Thành ngữ "dầu sôi lửa bỏng" bao gồm các yếu tố thuộc miền nguồn lửa như **vật liệu tạo lửa** (dầu), **tác động của lửa** (sôi) và **hậu quả do lửa gây ra** (bỏng). Trong kinh nghiệm thực tiễn, dầu là một chất lỏng có khả năng đạt tới nhiệt độ rất cao khi sôi và có thể gây bỏng nghiêm trọng cho con người khi tiếp xúc. Bỏng được hiểu là tình trạng tổn thương da thịt do tác động của lửa hoặc nhiệt độ cao. Những tri thức kinh nghiệm này được tích lũy và chiêm nghiệm qua thời gian, từ đó chiếu xạ sang miền đích để ý niệm hóa một tình thế đặc biệt nguy kịch, cấp bách, tiềm ẩn nguy cơ gây ra hậu quả nghiêm trọng và đe dọa đến sự an toàn của con người. Tương tự, thành ngữ nước sôi lửa bỏng được sử dụng để chiếu xạ một tình huống khó khăn và nguy hiểm mà con người rơi vào.

Dẫm phải lửa

Trong thực tế, khi con người chạm vào lửa, phản xạ tự nhiên thường là lập tức rút lui khỏi nguồn gây nóng. Sự chiếu xạ ở đây nằm ở **mô thức phản ứng của con người trước tác nhân nguy hiểm**. Mô thức này tương ứng với cách con người phản ứng khi bất ngờ rơi vào một tình thế cam go, trong đó các hành vi ứng phó mang tính tức thời thường được kích hoạt. Thuộc tính này được chiếu xạ sang miền đích để khái niệm hóa những tình huống bất lợi gắn với phản ứng gay gắt, cũng như những tình thế gấp gáp khiến con người rơi vào trạng thái lúng túng. Một số thành ngữ khác thể hiện lược đồ chiếu xạ tương tự có thể kể đến như dẫm phải lửa, như ngồi trên đống lửa,…

Chơi với lửa

Bản chất của lửa là nguy hiểm bởi vì nó có thể gây ra thương vong và chết chóc. Thành ngữ chơi với lửa chiếu xạ đặc tính nguy hiểm của hành vi tiếp xúc, đùa nghịch với lửa trong kinh nghiệm thực tiễn sang miền đích, qua đó ý niệm hóa tình thế mà con người tự đặt mình vào trạng thái rủi ro. Tức là việc làm mạo hiểm dễ bị phản tác dụng. Cùng phạm trù chiếu xạ

này, tục ngữ có câu "Đừng để lửa liếm, chớ để kiếm giao" nhằm mục đích khuyên răn con người tránh xa những cái nguy hiểm.

Chim trên lửa, cá dưới dao

Xét về nghĩa đen, chim và cá ở trên lửa, dưới dao là chắc chắn đang ở trong tình cảnh hoạn nạn cấp bách. Nó chiếu xạ đến việc con người rơi vào một tình thế éo le, đối mặt với ranh giới sinh tử. Ý niệm lửa được đặt trong thế tương quan với với ý niệm dao tạo nên sự cộng hưởng quy chiếu đến hoàn cảnh cam go trong cuộc sống.

5.2.2. Hoạt động nguy hiểm của lửa => Tình thế tiêu cực

Trong đời sống, các tình thế tiêu cực xuất hiện với tần suất cao và biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau. Qua khảo sát, có thể nhận thấy một số tình thế tiêu cực được ý niệm hóa thông qua sự chiếu xạ của miền nguồn lửa, tiêu biểu như tình thế oan ức, bất lực; tình thế tiêu xài hoang phí; và tình thế đối lập. Đây đều là những tình thế khá phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày. Thông qua hệ thống thành ngữ, tục ngữ, các tình thế này được biểu đạt bằng những đơn vị ngôn từ có dung lượng hình thức tối giản nhưng tạo ra hiệu quả tri nhận sâu sắc.

a) Trước hết, chúng ta xét đến tình thế oan tức bất lực của con người qua một số ví dụ sau:

Gắp lửa bỏ tay người

Lửa là thứ không thể cầm nắm được, bởi sự tiếp xúc với lửa gây cảm giác bỏng rát và dẫn đến tổn thương cho con người. Dựa trên thực tế đó, câu tục ngữ tri nhận đến tình thế bị vu oan giá họa trong cuộc sống. Nghĩa là dùng để chỉ những trường hợp đưa ra thông tin không đúng sự thật hoặc các câu chuyện bịa đặt với mục đích gây bất lợi cho người khác. Nằm trong lược đồ chiếu xạ này còn có câu ngậm máu phun người. Rõ ràng đặc điểm có thể gây ra những tác hại của lửa đã tạo nên hiệu quả chiếu xạ này.

Nước xa không cứu được lửa gần

Theo nghĩa đen, câu tục ngữ phản ánh một kinh nghiệm thực tế là nước ở xa không thể kịp thời dập tắt đám lửa đang bùng phát ở gần. Trên cơ sở đó, các yếu tố thuộc miền nguồn (nước xa, lửa gần) được chiếu xạ sang miền đích để khái niệm hóa **tình thế bất lực**. Cụ thể, thuộc tính "không thể phát huy tác dụng do khoảng cách" của nước trong miền nguồn được chiếu xạ sang những tình huống mà con người tuy có mong muốn cứu giúp người khác nhưng không thể thực hiện được.

b) Thứ hai là tình thế tiêu xài hoang phí của con người. Thành ngữ, tục ngữ phản ánh về sự hoang phí theo cách triết lí sâu xa. Sự chiếu xạ từ miền nguồn lửa đến sự hoang phí qua đặc điểm của vật thể dễ cháy và hành động gây cháy.

Thành ngữ "vén tay áo sô, đốt nhà táng giấy" sử dụng các yếu tố thuộc miền nguồn lửa, trong đó giấy là vật liệu dễ cháy và đốt là hoạt động làm cho vật liệu tạo lửa bùng cháy.

Biểu thức đốt nhà táng giấy mang tính ẩn dụ, bởi trong thực tiễn văn hóa, nhà táng giấy là vật phẩm được đốt cho người đã khuất và chỉ được coi là trọn vẹn khi bị đốt hết, không còn sót lại. Từ hiện thực này, thuộc tính **đốt sạch, tiêu hủy hoàn toàn** của hành vi đốt được kích hoạt và chiếu xạ sang miền đích, qua đó ý niệm hóa hành vi làm tiêu tan tài sản hoặc tiêu xài, phung phí những thứ không phải của mình một cách không tiếc rẻ.

c) Thứ ba là tình thế đối lập trong đời sống, được ý niệm hoá dựa trên thuộc tính loại trừ lẫn nhau của các vật chất, điển hình như mối quan hệ đối lập giữa lửa và nước.

Như nước với lửa

Thành ngữ "như nước với lửa" được xây dựng trên mối quan hệ đối lập căn bản giữa hai yếu tố vật chất thuộc miền nguồn. Trong kinh nghiệm tri nhận, nước và lửa nằm ở hai cực đối nghịch, không chỉ khác biệt về bản chất mà còn loại trừ lẫn nhau, bởi nước có khả năng dập tắt lửa. Khi được đặt trong quan hệ song hành, hai yếu tố này kích hoạt tri giác về sự xung khắc và không tương thích.

Từ hiện thực đó, thuộc tính đối lập và loại trừ của mối quan hệ giữa nước và lửa được lựa chọn để chiếu xạ sang miền đích. Thuộc tính này góp phần ý niệm hóa những tình thế trong đời sống mà ở đó các bên tồn tại trong trạng thái mâu thuẫn gay gắt, đối lập căn bản và không thể dung hòa hay hóa giải. Như vậy, thông qua phép chiếu xạ, mối quan hệ vật lý giữa nước và lửa trở thành mô hình tri nhận cho các tình thế xung đột kéo dài trong quan hệ xã hội và đời sống con người.

Có nước có lửa

Thành ngữ "có nước có lửa" được hình thành từ **quan hệ vật lý** giữa hai yếu tố thuộc miền nguồn là nước và lửa – hai vật chất tồn tại trong trạng thái đối lập và có khả năng loại trừ lẫn nhau. Từ quan hệ này, **thuộc tính tri nhận về sự xung khắc và căng thẳng** được kích hoạt. Thuộc tính đó được **chiếu xạ sang miền đích** để khái niệm hóa **tình thế xã hội** mang tính gay gắt, trầm trọng, trong đó các bên ở vào trạng thái mâu thuẫn căng thẳng, đối đầu và không bên nào chịu nhượng bộ.

5.2.3. Yếu tố tạo lửa => Tình thế tích cực

Lửa gặp gió

Thành ngữ "lửa gặp gió" dựa trên **quan hệ vật lý** giữa lửa và gió, trong đó gió đóng vai trò như một tác nhân thúc đẩy, làm cho ngọn lửa bùng cháy mạnh hơn. Từ thực tế này, **thuộc tính tri nhận về sự khuếch đại và tăng cường** được kích hoạt. Thuộc tính đó được **chiếu xạ sang miền đích** để ý niệm hoá **tình thế thuận lợi**, khi một sự việc nhận được sự hỗ trợ hoặc gặp điều kiện phù hợp, từ đó trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Bấc đến dâu đầu đến đấy

Thành ngữ "bấc đến đâu dầu đến đấy" xuất phát từ quan hệ vật lý trong việc thắp đèn dầu: bấc và dầu phải có độ tương ứng thì ngọn lửa mới có thể duy trì ổn định; bấc dài thì cần nhiều dầu, bấc ngắn thì lượng dầu vừa phải là đủ để cháy. Trong quan hệ này, dầu giữ vai trò là phương tiện tạo lửa, còn bấc là yếu tố dẫn và duy trì ngọn lửa.

Từ thực tế đó, thuộc tính tri nhận về sự tương thích và vừa khớp giữa các yếu tố được kích hoạt. Thuộc tính này được chiếu xạ sang miền đích để ý niệm hoá tình thế thích ứng trong đời sống, theo đó con người cần điều chỉnh hành vi, năng lực hoặc cách ứng xử sao cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Sự thích ứng vì thế được hiểu như trạng thái hài hòa giữa điều kiện khách quan và khả năng chủ quan.

5.2.4. Trạng thái của lửa => tình thế phẫn nộ

Thêm dầu vào lửa

Thành ngữ "thêm dầu vào lửa" xuất phát từ **quan hệ vật lý** trong đó dầu là một nguyên liệu tạo lửa; khi ngọn lửa đang cháy mà tiếp tục đổ thêm dầu, lửa không những được duy trì mà còn bùng phát mạnh mẽ hơn. Từ hiện thực này, **thuộc tính tri nhận về sự kích thích và gia tăng cường độ** của lửa được kích hoạt. Thuộc tính đó được **chiếu xạ sang miền đích** để ý niệm hoá **tình thế tức giận**, khi một trạng thái cảm xúc vốn đã căng thẳng lại tiếp tục bị tác động, khiến mức độ giận dữ tăng lên. Hiệu quả chiếu xạ của thành ngữ này cho phép con người tri nhận trạng thái tức giận như một quá trình có thể bị khuếch đại bởi các tác nhân bên ngoài. Cùng phạm trù chiếu xạ này còn có tục ngữ lửa cháy bỏ thêm dầu.

Lửa đỏ lại bỏ thêm rơm

Thành ngữ "lửa đỏ lại bỏ thêm rơm" ý niệm hoá một tình huống xung đột thông qua miền nguồn lửa. Trong kinh nghiệm văn hoá – tri nhận của người Việt, lửa gắn với trạng thái căng thẳng, nóng nảy và xung đột, trong khi rơm là chất liệu rất dễ bén lửa, có khả năng làm ngọn lửa bùng phát mạnh hơn. Từ quan hệ vật lý này, thuộc tính tri nhận về sự gia tăng và khuếch đại cường độ được kích hoạt. Thuộc tính đó được chiếu xạ sang miền đích để ý niệm hoá những tình thế xã hội mà ở đó xung đột vốn đã căng thẳng lại tiếp tục bị tác động bởi các hành vi kích động, khiến mức độ mâu thuẫn và cảm xúc giận dữ gia tăng. Qua đó, câu tục ngữ nhấn mạnh rằng khi tình huống đã ở trạng thái "nóng", việc đưa thêm các tác nhân tiêu cực sẽ làm xung đột trở nên trầm trọng và khó kiểm soát hơn.

6. Kết luận

Từ việc khảo sát hệ thống thành ngữ, tục ngữ liên quan đến miền nguồn lửa, có thể khẳng định rằng ẩn dụ ý niệm TÌNH THẾ LÀ LỬA phản ánh một phương thức tư duy đặc trưng của người Việt trong việc ý niệm hoá các tình thế xã hội. Thông qua phép chiếu xạ, những thuộc tính nổi bật của lửa trong kinh nghiệm cảm giác – vật lý như tính nguy hiểm, khả năng

lan nhanh, sự gia tăng cường độ, tính đối lập, khả năng bị khuếch đại hoặc mất kiểm soát được lựa chọn để cấu trúc hoá nhận thức về các tình huống trong đời sống. Trên cơ sở đó, các tình thế khác nhau như tình thế khó khăn, tình thế tiêu cực, tình thế tích cực hay tình thế phẫn nộ được ý niệm hoá thông qua những phương diện khác nhau của lửa, bao gồm bản thể của lửa, hoạt động của lửa, các yếu tố tạo lửa và trạng thái của lửa. Điều này cho thấy tư duy ẩn dụ không vận hành một cách ngẫu nhiên, mà dựa trên sự tương hợp có hệ thống giữa cấu trúc của miền nguồn và đặc điểm của miền đích. Nhờ phương thức tư duy ẩn dụ ý niệm, con người có thể tiếp cận và hiểu những miền khái niệm trừu tượng thông qua các miền nguồn cụ thể, giàu trải nghiệm thân thể.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tư duy ẩn dụ luôn chịu sự chi phối của yếu tố văn hoá. Trong đời sống con người, lửa là một dạng vật chất có vai trò đặc biệt quan trọng và phổ biến, gắn liền với sinh tồn, sinh hoạt và sản xuất. Chính vì vậy, lửa không chỉ là một miền nguồn mang tính phổ quát trong văn hoá nhân loại, mà còn là một miền nguồn có sức khái quát cao trong hệ thống ẩn dụ ý niệm. Thông qua ẩn dụ TÌNH THẾ LÀ LỬA, người Việt có xu hướng tri nhận tình thế như những thực thể động, dễ biến đổi, có thể bùng phát hoặc leo thang nếu không được kiểm soát, từ đó phản ánh sâu sắc mối liên hệ giữa kinh nghiệm thân thể, văn hoá và tư duy ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang & Phương Tri (1993). *Tục ngữ Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
2. Hoàng Tiến Tựu (1999). *Văn học dân gian Việt Nam*. Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Hoàng Văn Hành (2015). *Thành ngữ học tiếng Việt*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
4. Lê Lâm Thi (2017). Ẩn dụ phạm trù lửa trong tiếng Pháp và tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận. *Luận án tiến sĩ*. Đại học Huế.
5. Lê Lâm Thi & Trần Thị Cẩm Trang (2023). Ẩn dụ ý niệm "nóng" và "lạnh" trong tiếng Việt. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Nghiên cứu, đào tạo Việt Nam học theo định hướng liên ngành* (tr. 760–772). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Lưu Quý Khương & Bùi Thị Kim Phụng (2015). Khảo sát ý niệm lửa trong thơ ca Mỹ và Việt Nam thế kỷ XX. *Ngôn ngữ và Đời sống*, (7), 17–23.
7. Lý Toàn Thắng (2009). *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. Nhà xuất bản Phương Đông.

8. Nguyễn Đức Dương (2010). *Từ điển tục ngữ Việt*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nghiêm Hồng Vân (2016). Metaphorical and metonymical comparison denoting anger in Japanese and Vietnamese from the aspect of cognitive linguistics. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, 48, 57–65.
10. Triệu Diễm Phương (2011). *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Al Hanada, G. Z. (2023). "The people were toppled by the fire from all sides": An analysis of the metaphorical use of fire in Jordanian political speeches. *English Linguistics Research*, 12(1), 31–44.
12. Deriu, M. (2024). Fire metaphors in Plutarch's Late Republican Lives. *Bulletin of the Institute of Classical Studies*. Advance online publication. https://doi.org/10.1093/bics/qbae034.
13. Dovbnia, O. Y., & Chrdileli, T. V. (2022). The concept "fire" as donor domain of metaphors in business media discourse (Based on media reports about Elon Musk's Twitter buyout). https://doi.org/10.32782/tps2663-4880/2022.24.1.17.
14. Johnson, M. (1987). *The body in the mind: The bodily basis of meaning, imagination, and reason*. University of Chicago Press.
15. Kövecses, Z. (2002). *Metaphor: A practical introduction*. Oxford University Press.
16. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphors we live by*. University of Chicago Press.
17. Lakoff, G. (2008). *Women, fire, and dangerous things: What categories reveal about the mind*. University of Chicago Press.
18. Mehfooz, M., Badshah, S. N., & Hifazatullah, H. (2020). A conceptual study of metaphorical illustration applied for hellfire in Qur'anic text. *Journal of Islamic and Religious Studies*, 5(1), 45–64.
19. Nguyen, L. D. A. (2023). Conceptual metaphor "Media is fire". *Proceedings of the AsiaCALL International Conference*, PAIC, 64–74.
20. Pitolina, N., & Kuzmichenko, A. (2020). *Evolution of fire conceptual metaphor as unit of ecological consciousness*. Trong Digital Future: Economic Growth, Social Adaptation, and Technological Perspectives (tr. 819–827). Springer.
21. Rafat, M. (2022). Role of metaphors in controlling meaning-making processes: "War" and "fire" metaphors for the COVID-19 pandemic. *Literature and Linguistics Journal*, 1(1), 42–52.

22. Santibáñez, F. (2002). The object image-schema and other dependent schemas. *Atlantis*, 24(2), 183–201.